

Số: 1666 /QĐ-TDTTĐN

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận kết quả thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản
khóa ngày 27/9/2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-TDTTĐN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư liên tịch Số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng thi sát hạch chuẩn đầu ra tiếng Anh và cấp chứng chỉ Tin học kỳ thi ngày 27/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản cho 86 học viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; các đơn vị liên quan và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng ĐT & BĐCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, TTNTH.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Hải

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

KHÓA NGÀY 27/9/2026

(Kèm theo QĐ số: 1666 /QĐ-TDĐTĐN ngày 12/ 10 /2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH TDTT Đà Nẵng)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT		Điểm TH		Xếp loại
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	26CB02-001	Võ Thành An	02/02/2004	Bình Định	7	Bảy	5.3	Năm phẩy ba	ĐẠT
2	26CB02-002	Bùi Phước Quỳnh Anh	21/03/2005	Thừa Thiên Huế	8.8	Tám phẩy tám	7.5	Bảy phẩy năm	ĐẠT
3	26CB02-003	Phan Tuấn Anh	25/07/2004	Đà Nẵng	8	Tám	8.3	Tám phẩy ba	ĐẠT
4	26CB02-004	Trương Quang Bảo	20/03/2005	Quảng Ngãi	8.3	Tám phẩy ba	5.0	Năm	ĐẠT
5	26CB02-005	Lê Ngọc Bảo	02/08/2005	Quảng Nam	9.5	Chín phẩy năm	5.5	Năm phẩy năm	ĐẠT
6	26CB02-006	Huỳnh Gia Bảo	24/01/2005	Phú Yên	9	Chín	9.3	Chín phẩy ba	ĐẠT
7	26CB02-007	Phạm Ngọc Gia Bảo	11/11/2004	Kon Tum	8.3	Tám phẩy ba	5.5	Năm phẩy năm	ĐẠT
8	26CB02-008	Nguyễn Sỹ Bình	05/01/2004	Nghệ An	5.3	Năm phẩy ba	5.0	Năm	ĐẠT
9	26CB02-009	Nguyễn Văn Chiến	27/07/2005	Thừa Thiên Huế	9.3	Chín phẩy ba	7.3	Bảy phẩy ba	ĐẠT
10	26CB02-010	Lê Minh Đức	09/01/2005	Đà Nẵng	8.8	Tám phẩy tám	7.5	Bảy phẩy năm	ĐẠT
11	26CB02-011	Nguyễn Xuân Đức	16/08/2005	Đắk Lắk	8.3	Tám phẩy ba	7.0	Bảy	ĐẠT
12	26CB02-012	Phạm Thành Đức	01/06/2005	Gia Lai	8	Tám	7.0	Bảy	ĐẠT
13	26CB02-013	Phan Khương Duy	10/01/1996	Đà Nẵng	7.5	Bảy phẩy năm	8.5	Tám phẩy năm	ĐẠT
14	26CB02-014	Phạm Trường Giang	28/09/2005	Quảng Ngãi	8.3	Tám phẩy ba	6.0	Sáu	ĐẠT
15	26CB02-016	Trần Đức Hạnh	08/08/1995	Hà Tĩnh	8.3	Tám phẩy ba	6.8	Sáu phẩy tám	ĐẠT
16	26CB02-017	Huỳnh Minh Hiền	01/01/2005	Quảng Nam	8.3	Tám phẩy ba	6.0	Sáu	ĐẠT

17	26CB02-018	Dương Quang	Hiệp	15/04/2003	Gia Lai	5.8	<i>Năm phẩy tám</i>	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	ĐẠT
18	26CB02-019	Phan Thanh	Hiếu	05/06/2005	Quảng Nam	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	ĐẠT
19	26CB02-020	Trần Phước	Hiếu	07/06/2001	Quảng Trị	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	ĐẠT
20	26CB02-021	Phạm Ngọc	Hiếu	26/09/2005	Quảng Ngãi	9.0	<i>Chín</i>	7.3	<i>Bảy phẩy ba</i>	ĐẠT
21	26CB02-022	Đặng Trần	Hoàn	09/01/2005	Quảng Trị	8.5	<i>Tám phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
22	26CB02-023	Mang Minh	Hoàng	11/09/2005	Gia Lai	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	7.3	<i>Bảy phẩy ba</i>	ĐẠT
23	26CB02-024	Nguyễn Đức	Hoàng	11/06/2005	Gia Lai	5.0	<i>Năm</i>	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	ĐẠT
24	26CB02-025	Nguyễn Văn Việt	Hoàng	26/09/2006	Quảng Nam	9.8	<i>Chín phẩy tám</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
25	26CB02-026	Trần	Hùng	04/07/2004	Quảng Bình	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
26	26CB02-028	Nguyễn Quang	Hưng	22/05/2005	Đà Nẵng	8.3	<i>Tám phẩy ba</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
27	26CB02-029	Bùi Xuân	Hương	20/03/2005	Gia Lai	7.8	<i>Bảy phẩy tám</i>	7.8	<i>Bảy phẩy tám</i>	ĐẠT
28	26CB02-030	Dương Hồ	Huy	25/08/2005	Đắk Nông	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT
29	26CB02-031	Huỳnh Lê	Huy	26/08/2004	Gia Lai	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
30	26CB02-032	Nguyễn Nhật	Huy	29/03/2004	Phú Yên	9.0	<i>Chín</i>	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	ĐẠT
31	26CB02-033	Hồ Vũ Nhật	Huy	09/11/2005	Đà Nẵng	8.0	<i>Tám</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
32	26CB02-034	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	30/11/2005	Quảng Trị	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
33	26CB02-035	Hồ Viết	Kha	01/05/2005	Quảng Nam	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	10.0	<i>Mười</i>	ĐẠT
34	26CB02-036	Phan Hoàng Gia	Khánh	04/03/2005	Thừa Thiên Huế	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
35	26CB02-037	Nguyễn Duy	Lâm	29/03/2003	Quảng Trị	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
36	26CB02-038	Nguyễn Hoàng Ngọc	Linh	08/02/2000	An Giang	5.8	<i>Năm phẩy tám</i>	7.0	<i>Bảy</i>	ĐẠT
37	26CB02-039	Trần Lưu Duy	Lộc	19/01/2005	Đà Nẵng	9.0	<i>Chín</i>	10.0	<i>Mười</i>	ĐẠT

38	26CB02-040	Nguyễn Thanh	Long	28/02/1992	Quảng Bình	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	10.0	<i>Mười</i>	ĐẠT
39	26CB02-041	Phạm Phi	Long	01/01/2005	Gia Lai	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
40	26CB02-042	Hoàng Văn Thanh	Luận	26/02/2005	Quảng Trị	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	ĐẠT
41	26CB02-043	A Minh	Luyện	12/04/2005	Kon Tum	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
42	26CB02-044	Thái Quỳnh	Ly	25/02/2005	Quảng Nam	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	10.0	<i>Mười</i>	ĐẠT
43	26CB02-045	Huỳnh Công	Minh	26/01/2005	Đà Nẵng	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
44	26CB02-046	Nguyễn Ngọc Hà	My	01/07/2005	Quảng Nam	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	8.3	<i>Tám phẩy ba</i>	ĐẠT
45	26CB02-047	Trần Văn	Nam	12/02/2005	Nam Định	9.0	<i>Chín</i>	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	ĐẠT
46	26CB02-048	Phạm Thị Kim	Ngân	22/02/2004	Quảng Nam	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
47	26CB02-049	Siu	Ngang	30/11/2005	Gia lai	8.5	<i>Tám phẩy năm</i>	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	ĐẠT
48	26CB02-050	Ngô Đức	Nghĩa	28/1/2005	Đắk Nông	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
49	26CB02-051	Phạm Yến	Ngọc	11/12/2005	Hà Tĩnh	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	8.0	<i>Tám</i>	ĐẠT
50	26CB02-052	Lê Mỹ	Nguyễn	06/01/2005	Kon Tum	9.0	<i>Chín</i>	7.3	<i>Bảy phẩy ba</i>	ĐẠT
51	26CB02-053	Lê Trần Trung	Nhân	10/11/2005	Quảng Nam	8.5	<i>Tám phẩy năm</i>	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	ĐẠT
52	26CB02-055	Lê Trung	Nhật	20/08/2005	Đà Nẵng	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
53	26CB02-056	Nguyễn Văn Sĩ	Niê	03/06/2005	Đắk Lắk	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	ĐẠT
54	26CB02-057	Huỳnh Đăng	Phi	20/03/2005	Phú Yên	8.3	<i>Tám phẩy ba</i>	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	ĐẠT
55	26CB02-058	Ngô Thanh	Phong	13/02/2005	Gia Lai	5.0	<i>Năm</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
56	26CB02-059	Nguyễn Hữu	Phúc	09/05/2004	Gia Lai	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
57	26CB02-060	Bùi Duy	Phúc	22/05/2005	Quảng Trị	8.5	<i>Tám phẩy năm</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
58	26CB02-061	Nguyễn Thị Hà	Phươn g	07/06/2003	Gia Lai	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	7.0	<i>Bảy</i>	ĐẠT

59	26CB02-062	Nguyễn Tấn	Quốc	15/12/2003	Đà Nẵng	6.0	<i>Sáu</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
60	26CB02-064	Nguyễn Đình	Tài	23/08/2005	Đắk Lắk	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
61	26CB02-065	Y	Thanh	16/02/2004	Kon Tum	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
62	26CB02-066	Nguyễn Thị	Thảo	11/09/2005	Kon Tum	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT
63	26CB02-067	Lê Thị Phương	Thảo	17/04/2005	Hà Tĩnh	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	ĐẠT
64	26CB02-069	Phạm Gia	Thuế	16/01/2005	Phú Yên	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	ĐẠT
65	26CB02-070	Ung Quốc	Tín	02/11/2005	Bình Định	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	ĐẠT
66	26CB02-072	Hồ Thị Thúy	Tình	19/03/2006	Bình Định	9.8	<i>Chín phẩy tám</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT
67	26CB02-073	Thái Viết Mạnh	Toàn	11/01/2005	Nghệ An	9.5	<i>Chín phẩy năm</i>	8.0	<i>Tám</i>	ĐẠT
68	26CB02-074	Ngô Huyền	Trân	08/02/2005	Gia Lai	9.0	<i>Chín</i>	8.5	<i>Tám phẩy năm</i>	ĐẠT
69	26CB02-075	Phạm Thị Thuỳ	Trang	25/08/2005	Gia Lai	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	7.0	<i>Bảy</i>	ĐẠT
70	26CB02-076	Nguyễn Văn Đức	Trí	29/11/1985	Quảng Nam	8.3	<i>Tám phẩy ba</i>	7.8	<i>Bảy phẩy tám</i>	ĐẠT
71	26CB02-077	Lê Thế	Triều	25/02/2002	Quảng Bình	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT
72	26CB02-078	Bling	Trình	06/01/2002	Quảng Nam	8.0	<i>Tám</i>	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	ĐẠT
73	26CB02-079	Phạm Quốc	Trực	02/02/2005	Đà Nẵng	6.0	<i>Sáu</i>	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	ĐẠT
74	26CB02-080	Trần Mai	Trung	15/03/2005	Quảng Ngãi	5.5	<i>Năm phẩy năm</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
75	26CB02-081	Bùi Chí	Truồ ng	31/01/2005	Bình Định	5.8	<i>Năm phẩy tám</i>	6.0	<i>Sáu</i>	ĐẠT
76	26CB02-082	Nghiêm Quang	Tú	17/08/2005	Đắk Lắk	9.0	<i>Chín</i>	8.8	<i>Tám phẩy tám</i>	ĐẠT
77	26CB02-083	Phạm Ngọc	Tú	16/12/2004	Kon Tum	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	7.3	<i>Bảy phẩy ba</i>	ĐẠT
78	26CB02-084	Hồ Trần Anh	Tuấn	31/10/2005	Gia lai	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	5.0	<i>Năm</i>	ĐẠT
79	26CB02-085	Cao Nguyễn Hoàng	Tuấn	21/04/2005	Bình Định	8.0	<i>Tám</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT

80	26CB02-086	Nguyễn Minh	Tuệ	07/02/2005	Đắk Lắk	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	9.0	<i>Chín</i>	ĐẠT
81	26CB02-087	Tạ Đức	Tùng	05/05/2005	Kon Tum	6.8	<i>Sáu phẩy tám</i>	6.3	<i>Sáu phẩy ba</i>	ĐẠT
82	26CB02-088	Trần Thị Cẩm	Vân	04/09/2004	Quảng Trị	5.8	<i>Năm phẩy tám</i>	8.0	<i>Tám</i>	ĐẠT
83	26CB02-089	Đinh Hồng	Vinh	14/02/2005	Quảng Nam	9.3	<i>Chín phẩy ba</i>	7.8	<i>Bảy phẩy tám</i>	ĐẠT
84	26CB02-090	Trần Tuấn	Vũ	02/09/2005	Quảng Trị	6.5	<i>Sáu phẩy năm</i>	5.8	<i>Năm phẩy tám</i>	ĐẠT
85	26CB02-091	Nguyễn Tường	Vũ	23/06/2004	Kon Tum	5.0	<i>Năm</i>	5.3	<i>Năm phẩy ba</i>	ĐẠT
86	26CB02-092	Đỗ Tân	Vỹ	14/05/2005	Đà Nẵng	9.8	<i>Chín phẩy tám</i>	7.5	<i>Bảy phẩy năm</i>	ĐẠT